

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**NGÀNH ĐÀO TẠO: KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**CHÍNH SÁCH TÀI NGUYÊN NƯỚC**  
**(WATER RESOURCES POLICY)**

**I. Thông tin về học phần**

- Mã học phần: **QL03060**
- Học kì: 6
- Tín chỉ: **Tổng số tín chỉ 2TC (Lý thuyết: 2 – Thực hành: 0);**
- Tự học: **4TC**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
  - + Nghe giảng lý thuyết trên lớp: 24 tiết
  - + Thảo luận trên lớp: 6 tiết
- Tự học: 60 tiết (theo kế hoạch cá nhân hoặc hướng dẫn của giảng viên)
- Đơn vị phụ trách:
  - Bộ môn: Tài nguyên nước
  - Khoa: Quản lý đất đai
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp X					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành X		Chuyên sâu <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn X	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần song hành:
- Học phần học trước:
- Học phần tiên quyết:
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh  Tiếng Việt X

**II. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi**

\* **Mục tiêu:** Học phần nhằm giúp người học đạt được:

- Nắm vững những kiến thức cơ bản về luật lệ, quy chế và quy định về phân phối và sử dụng nguồn nước ở Việt Nam và thế giới trong công tác quản lý và khai thác sử dụng tài nguyên nước.

- Vận dụng những kiến thức cơ bản về luật lệ, quy chế và quy định về phân phối và sử dụng nguồn nước ở Việt Nam và thế giới trong công tác quản lý và khai thác sử dụng tài nguyên nước.

- Người học có thể sử dụng các công cụ chính sách và kiến thức khác để phân tích đánh giá những tác động của chính sách đến quản lý và sử dụng tài nguyên nước.

*Kỹ năng, thái độ và phẩm chất đạo đức:*

- Các bài tập giúp sinh viên rèn luyện khả năng cách tư duy logic, có cách tiếp cận đúng đắn khi nghiên cứu các môn học có liên quan.

- Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về lĩnh vực tài nguyên nước.

- Có ý thức học tập tốt, chủ động tìm kiếm tài liệu liên quan đến môn học

**\* Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

1. Không đóng góp; 2. Có đóng góp; 3. Đóng góp nhiều

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT								
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9
QL03060	Chính sách tài nguyên nước	1	1	1	1	1	1	2	1	1
Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT								
		CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17	
QL03060	Chính sách tài nguyên nước	2	1	1	2	2	2	2	2	

Kí hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được:	CĐR của CTĐT
<i>Kiến thức</i>		
K1	Vận dụng được kiến thức về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, kinh tế, môi trường trong xây dựng hệ thống các chính sách về tài nguyên nước phục vụ học tập và nghiên cứu ngành kỹ thuật tài nguyên nước	CĐR7
K2	Vận dụng các kiến thức liên quan đến hệ thống các quy định về quản lý tài nguyên nước trong quản lý vận hành các hệ thống thủy lợi trong hệ thống các chính sách về tài nguyên nước	
<i>Kỹ năng</i>		
K3	Có kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến người khác, trợ giúp lẫn nhau trong công việc.	CĐR10
K4	Nắm vững hệ thống các quy định, chính sách để phục vụ xây dựng phương án quy hoạch phân bổ tài nguyên nước, quy hoạch bảo vệ nguồn nước và quy hoạch giảm thiểu thiệt hại do nước gây ra. Viết được báo cáo khoa học trong lĩnh vực tài nguyên nước.	CĐR13, CĐR15
K5	Nắm vững hệ thống các quy trình thiết kế và giám sát thi công được hệ thống công trình thủy lợi và cấp thoát nước, vận hành thành thạo các công trình thủy lợi và hệ thống công trình thủy lợi	CĐR14
<i>Thái độ và phẩm chất đạo đức</i>		
K6	Thích ứng linh hoạt với các điều kiện môi trường, chính trị và xã hội	CĐR16

<b>Kí hiệu</b>	<b>KQHTMD của học phần</b> <b>Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được:</b>	<b>CDR của CTĐT</b>
K7	Có ý thức tự học tập, tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ	CDR17

### III. Nội dung tóm tắt của học phần

**QL03060 – Chính sách tài nguyên nước; (2TC: 2-0; 4).** Học phần bao gồm 4 chương với nội dung về: Hệ thống luật lệ, quy chế và quy định về phân phối và sử dụng nguồn nước ở Việt Nam và thế giới. Nội dung bao gồm: Luật TNN và lịch sử phát triển của nó; Tổ chức thi hành luật TNN; Các quyền sử dụng nước; Luật TNN áp dụng với nguồn nước dưới đất; Vấn đề chia sẻ lợi ích trong thủy lợi.

### IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

#### 1. Phương pháp giảng dạy

- 1) Thuyết giảng trên lớp
- 2) Tổ chức học tập theo nhóm
- 3) Giảng dạy thông qua thảo luận
- 4) Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông

#### 2. Phương pháp học tập

- 1) Nghe giảng trên lớp
- 2) Thảo luận trên lớp
- 3) Đọc tài liệu ở nhà trước khi đến lớp
- 4) Làm tiểu luận nhóm
- 5) Chuẩn bị ppt ở nhà để thuyết trình trước lớp

### V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự lớp học đầy đủ
- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc sách tham khảo và bài giảng trước khi đến lớp học
- Tiểu luận và thảo luận nhóm: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia hoàn thành tiểu luận và thảo luận nhóm ở trên lớp và ở nhà.
- Thi giữa kì: Sinh viên có 1 bài kiểm tra giữa kì trên lớp
- Thi cuối kì: Một bài kiểm tra

### VI. Đánh giá và cho điểm

#### 1. Thang điểm: 10

#### 2. Điểm cuối kì là điểm tổng hợp của những điểm thành phần theo tỷ lệ như sau:

- Điểm chuyên cần: 10 %
- Điểm kiểm tra giữa kì + Tiểu luận và thảo luận nhóm: 30 %
- Điểm kiểm tra cuối kì: 60 %

#### 3. Phương pháp đánh giá

Rubric	KQHTMD được đánh giá	Trọng số (%)	Tuần
<b>Đánh giá chuyên cần</b>		<b>10</b>	

Rubric 1 - Đánh giá tham dự lớp	K3, K6, K7	10	1-10
<b>Đánh giá quá trình</b>		<b>30</b>	
Rubric 2 - Đánh giá tiểu luận và thảo luận nhóm	K3, K4, K5, K7	15	1-10
Rubric 3 - Đánh giá kiểm tra giữa kì	K1, K2	15	1-10
<b>Đánh giá cuối kì</b>		<b>60</b>	
Rubric 4 - Đánh giá thi cuối kì	K1, K2	60	Theo lịch thi HV

### Các rubric đánh giá

#### Rubric 1: Đánh giá chuyên cần (tham dự lớp)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
Thái độ tham dự	50	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động trên lớp	Khá chú ý, có tham gia trên lớp	Có chú ý, ít tham gia trên lớp	Không chú ý/không tham gia trên lớp
Thời gian tham dự	50	Tham dự 75% buổi học trở lên	Tham dự từ 50 -75% buổi học	Tham dự từ 30 - 50% buổi học	Tham dự dưới 30% buổi học

#### Rubric 2. Đánh giá tiểu luận và thảo luận nhóm

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
Nội dung	25	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng
	25	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng
Cấu trúc và tính trực quan	15	Cấu trúc bài rất hợp lý, logic	Cấu trúc bài khá hợp lý, logic	Cấu trúc bài tương đối hợp lý, logic	Cấu trúc bài chưa hợp lý, logic
	15	Rất trực quan và thẩm mỹ	Khá trực quan và thẩm mỹ	Tương đối trực quan và thẩm mỹ	Ít/Không trực quan và thẩm mỹ
Kỹ năng trình bày	10	Dẫn dắt vấn đề và lập luận lôi cuốn, thuyết phục	Trình bày rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn, lập luận khá thuyết phục	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng	Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội dung quan trọng
Sự phối hợp trong nhóm	10	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong quá trình làm tiểu luận và thảo luận	Nhóm có phối hợp nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ trong quá trình làm tiểu luận và thảo luận	Nhóm ít phối hợp trong quá trình làm tiểu luận và thảo luận	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm trong quá trình làm tiểu luận và thảo luận

#### Rubric 3: Đánh giá kiểm tra giữa kì

Nội dung kiểm tra	Chỉ báo thực hiện của học phần được đánh giá qua câu hỏi	KQHTMD của môn học được đánh giá qua câu hỏi
Chương 1	Chỉ báo 1: Tìm hiểu khái quát về	K1, K2

	chính sách tài nguyên nước	
Chương 2	Chỉ báo 2: Tìm hiểu chính sách quản lý tổng hợp tài nguyên nước	K1, K2

#### Rubric 4: Đánh giá cuối kì (thi cuối kì)

Nội dung kiểm tra	Chỉ báo thực hiện của học phần được đánh giá qua câu hỏi	KQHTMĐ của môn học được đánh giá qua câu hỏi
Chương 1	Chỉ báo 1: Tìm hiểu khái quát về chính sách tài nguyên nước	K1, K2
Chương 2	Chỉ báo 2: Tìm hiểu chính sách quản lý tổng hợp tài nguyên nước	K1, K2
Chương 3	Chỉ báo 3: Tìm hiểu hệ thống pháp luật Tài nguyên nước Việt Nam	K1, K2
Chương 4	Chỉ báo 4: Các vấn đề trong việc quản lý và sử dụng tài nguyên nước ở Việt Nam	K1, K2

#### 4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

*Tham dự các bài thi:* Không tham gia bài thi giữa kì sẽ bị nhận điểm 0

*Làm tiểu luận và thảo luận theo nhóm:* Không tham dự, không nộp tiểu luận sẽ nhận điểm 0

*Yêu cầu về đạo đức:* Có thái độ học tập nghiêm túc, đúng mực

#### VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

##### \* Sách giáo trình/Bài giảng:

1. Bài giảng môn Chính sách Tài nguyên nước.

##### \* Tài liệu tham khảo khác:

2. Chiến lược Quốc gia về Tài nguyên nước đến năm 2020.
3. Luật Bảo vệ môi trường 2005.
4. Luật Tài nguyên nước 2012.
5. Nghị định 120/2008/NĐ-CP về Quản lý lưu vực sông.
6. Và các văn bản pháp luật liên quan khác
7. African Development Bank, African Development Fund (2000). Policy For Integrated Water Resources Management.
8. Phạm Ngọc Dũng, Nguyễn Đức Quý, Nguyễn Văn Dung (2005). Giáo trình Quản lý nguồn nước. NXB Nông nghiệp.
9. Larry W. Mays & Yeou Kounq Tung. Kỹ thuật và hệ thống quản lý nguồn nước, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Người dịch: Nguyễn Tiên Giang và Nguyễn Thị Nga, 2005.
10. Nguyễn Thanh Sơn (2005). Đánh giá Tài nguyên nước Việt Nam. NXB Giáo dục.
11. Giáo trình Quản lý Tài nguyên nước. Trường Đại học Xây dựng – Hà Nội.
12. Quản trị nước – Nghiên cứu hiện trạng tại Campuchia, Lào và Việt nam. Chương trình Quản trị sông Mêkông.

#### VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
1-2	<i>Chương 1. Đại cương về chính sách tài nguyên nước</i>	

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
	<p><b>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (6 tiết)</b>  <b>Nội dung GD lý thuyết: (6 tiết)</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1.1. Một số khái niệm, đặc điểm về tài nguyên nước</li> <li>1.2. Bối cảnh toàn cầu</li> <li>1.3. Kinh nghiệm của Ngân hàng trong ngành nước</li> <li>1.4. Tình trạng ưu tiên của ngành nước đối với Ngân hàng</li> <li>1.5. Mục tiêu của chính sách</li> <li>1.6. Chính sách trọng tâm quốc gia</li> <li>1.7. Quá trình xây dựng chính sách</li> <li>1.8. Khung lý thuyết</li> <li>1.9. Tầm nhìn Bối cảnh</li> <li>1.10. Thực trạng, vấn đề và khó khăn <ol style="list-style-type: none"> <li>1.10.1 Biến đổi và khan hiếm tài nguyên nước</li> <li>1.10.2. Sử dụng nước</li> <li>1.10.3. Vấn đề thể chế</li> <li>1.10.4. Các vấn đề kỹ thuật</li> <li>1.10.5. Các vấn đề tài chính và kinh tế</li> <li>1.10.6. Vấn đề môi trường</li> <li>1.10.7. Vấn đề xã hội</li> </ol> </li> <li>1.11. Khả năng của tập đoàn ngân hàng đối với lĩnh vực hoạt động về nước <ol style="list-style-type: none"> <li>1.11.1 Các ưu tiên</li> <li>1.11.2 Thực hiện các chính sách</li> </ol> </li> </ol>	K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7
	<p><b>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 tiết)</b>  Các vấn đề xung quanh liên quan đến chính sách tài nguyên nước.</p>	K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7
3-5	<p><b>Chương 2. Chính sách quản lý tổng hợp tài nguyên nước</b></p>	
	<p><b>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (9tiết)</b>  <b>Nội dung GD lý thuyết: (6 tiết)</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>2.1. Nguyên tắc và mục tiêu cơ bản</li> <li>2.2. Chiến lược thể chế</li> <li>2.3. Chiến lược kỹ thuật</li> <li>2.4. Chiến lược kinh tế</li> <li>2.5. Chiến lược xã hội</li> <li>2.6. Chiến lược môi trường</li> </ol> <p><b>Nội dung thảo luận: (3 tiết)</b>  Chính sách quản lý tổng hợp tài nguyên nước tại một số lưu vực sông ở Việt Nam</p>	K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7
	<p><b>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết)</b>  Tìm hiểu Chính sách quản lý tổng hợp tài nguyên nước tại một số lưu vực sông ở Việt Nam</p>	K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7
6-8	<p><b>Chương 3. Hệ thống pháp luật Tài nguyên nước Việt Nam</b></p>	
	<p><b>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (9 tiết)</b>  <b>Nội dung GD lý thuyết: (6 tiết)</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>3.1. Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về Tài nguyên</li> </ol>	K1, K2, K3, K4, K5,

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
	<p>nước của Việt Nam và các giai đoạn phát triển của Luật Tài nguyên nước.</p> <p>3.2. Cơ cấu và tổ chức về quản lý tài nguyên nước ở Việt Nam</p> <p>3.3. Nội dung quy định trong Luật Tài nguyên nước</p> <p>3.3.1. Những quy định chung về quản lý sử dụng tài nguyên nước</p> <p>3.3.2. Quy định về điều tra cơ bản, chiến lược, quy hoạch tài nguyên nước</p> <p>3.3.3. Quy định về bảo vệ tài nguyên nước</p> <p>3.3.4. Quy định về khai thác, sử dụng tài nguyên nước</p> <p>3.3.5. Quy định về phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra</p> <p>3.3.6. Quy định về Tài chính về tài nguyên nước</p> <p>3.3.7. Quy định về Quan hệ quốc tế về tài nguyên nước</p> <p>3.3.8. Quy định về Trách nhiệm Quản lý tài nguyên nước</p> <p>3.3.9. Quy định về Thanh tra chuyên ngành tài nguyên nước, giải quyết tranh chấp về Tài nguyên nước.</p> <p>3.4. Các quy định ở một số chính sách khác</p> <p><b>Nội dung thảo luận: (3 tiết)</b></p> <p>Tìm hiểu việc thực hiện hệ thống pháp luật về tài nguyên nước ở các địa phương</p>	K6, K7
	<p><b>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết)</b></p> <p>Tìm hiểu việc thực hiện hệ thống pháp luật về tài nguyên nước ở các địa phương</p>	K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7
9-10	<p><b>Chương 4. Các vấn đề trong việc quản lý và sử dụng tài nguyên nước ở Việt Nam</b></p> <p><b>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (6 tiết)</b></p> <p><b>Nội dung GD lý thuyết: (6 tiết)</b></p> <p>4.1. Thực trạng sử dụng tài nguyên nước của các ngành</p> <p>4.2. Những thách thức đối với tài nguyên nước hiện nay</p> <p>4.3. Những vấn đề trong quản lý tổng hợp Tài nguyên nước ở Việt Nam</p>	K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7
	<p><b>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 tiết)</b></p> <p>Tìm hiểu thực trạng quản lý và sử dụng tài nguyên nước ở Việt Nam</p>	K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7

**IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:**

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, phấn, bảng, bút chỉ, loa, mic
- Các phương tiện khác: Không

*Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 2018*

**TRƯỞNG BỘ MÔN**  
*(Kí và ghi rõ họ tên)*

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**  
*(Kí và ghi rõ họ tên)*

**Ngô Thị Dung**

**Vũ Thị Xuân**

**TRƯỞNG KHOA**  
*(Kí và ghi rõ họ tên)*

**DUYỆT CỦA HỌC VIỆN**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**PGS.TS. Cao Việt Hà**



**PHỤ LỤC**  
**THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

**Giảng viên phụ trách môn học**

Họ và tên: Vũ Thị Xuân	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 01687113422
Email: <a href="mailto:vtxuan@vnua.edu.vn">vtxuan@vnua.edu.vn</a>	<b>Trang web:</b> <a href="http://www.vnua.edu.vn/khoa/qldd.vnua.edu.vn/vi/tnn.html">http://www.vnua.edu.vn/khoa/qldd.vnua.edu.vn/vi/tnn.html</a>
Cách liên lạc với giảng viên	email; điện thoại, gặp trực tiếp

**Giảng viên phụ trách môn học**

Họ và tên: Nguyễn Văn Dung	Học hàm, học vị: PGS.TS
Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ – Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0912343037
Email: <a href="mailto:nvdung1@vnua.edu.vn">nvdung1@vnua.edu.vn</a>	<b>Trang web:</b> <a href="http://www.vnua.edu.vn/khoa/qldd.vnua.edu.vn/vi/tnn.html">http://www.vnua.edu.vn/khoa/qldd.vnua.edu.vn/vi/tnn.html</a>
Cách liên lạc với giảng viên:	email; điện thoại, gặp trực tiếp

**Giảng viên phụ trách môn học**

Họ và tên: Nguyễn Thị Giang	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0989851561
Email: <a href="mailto:giangkhue@vnua1.edu.vn">giangkhue@vnua1.edu.vn</a>	<b>Trang web:</b> <a href="http://www.vnua.edu.vn/khoa/qldd.vnua.edu.vn/vi/tnn.html">http://www.vnua.edu.vn/khoa/qldd.vnua.edu.vn/vi/tnn.html</a>
Cách liên lạc với giảng viên	email; điện thoại, gặp trực tiếp